

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1730 /SNV-CCVC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2020

V/v lập danh sách và hồ sơ cán bộ,
công chức, viên chức có đủ các tiêu
chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch;
thi hoặc xét thăng hạng chức danh
nghề nghiệp năm 2020

Kính gửi:

- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân quận - huyện;
- Các hội có tính chất đặc thù.

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,

Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các hội có tính chất đặc thù lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020, cụ thể như sau:

- Báo cáo cơ cấu, số lượng và nhu cầu dự thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 (Biểu số 1);

- Danh sách cán bộ, công chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương năm 2020 (Biểu số 2);

- Danh sách viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương năm 2020 (Biểu số 3).

1. Về điều kiện, tiêu chuẩn

a) Đối với thi nâng ngạch¹

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2019; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

¹ Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP)

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức đăng ký dự thi;

- Công chức dự thi nâng ngạch phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch liền kề với ngạch đăng ký dự thi tính đến ngày hết thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b) Đối với thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp²

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2017, 2018, 2019; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

2. Về thành phần hồ sơ cá nhân

a) Đối với thi nâng ngạch³

- Bản sơ yếu lý lịch của công chức theo mẫu số 2C-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức;

- Bản nhận xét, đánh giá công chức năm 2019 của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức theo các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch công chức và quyết định lương hiện hưởng;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch;

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức dự thi.

² Điều 9 Thông tư số 12/2012/TT-BNV

³ Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 13/2010/TT-BNV

b) Đối với thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp⁴

- Đơn đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá 03 năm liên tục gần nhất (2017, 2018, 2019) của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; Bản sao quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức và quyết định lương hiện hưởng;

- Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng.

3. Về thời gian, địa điểm nộp hồ sơ và thành phần hồ sơ

a) Thời gian: *Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 (thứ Hai) đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2020 (thứ Tư)* theo lịch đính kèm.

b) Địa điểm: Phòng Công chức, viên chức - Sở Nội vụ, 86B Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn cử cán bộ, công chức, viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 của cơ quan, đơn vị (kèm danh sách theo mẫu và file dữ liệu excel gửi về hộp thư điện tử: ccvc.snv@tphcm.gov.vn);

- Hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Lưu ý: *Trong quá trình lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện dự thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đề nghị các cơ quan, đơn vị lưu ý một số nội dung sau:*

- *Thẩm định tiêu chuẩn về quản lý nhà nước theo ngạch/chức danh nghề nghiệp, ngoại ngữ và tin học theo hướng dẫn đính kèm;*

- *Danh sách cán bộ, công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải đảm bảo phù hợp với cơ cấu, số lượng và nhu cầu dự thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan, đơn vị;*

- *Không thay đổi biểu mẫu đăng ký, giữ nguyên số dòng, cột và nội dung của biểu mẫu khi gửi về Sở Nội vụ (bao gồm cả văn bản và file dữ liệu excel);*

⁴ Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV

- Đối với danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch và thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên kèm hồ sơ cá nhân đã được các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ (theo Công văn số 2888/SNV-CCVC ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Sở Nội vụ), đề nghị các cơ quan, đơn vị cập nhật lại danh sách theo các biểu mẫu nêu trên và gửi kèm hồ sơ cá nhân của các trường hợp đăng ký bổ sung về Sở Nội vụ.

- Quá thời hạn nêu tại mục 3 mà các cơ quan, đơn vị chưa lập danh sách và gửi hồ sơ, Sở Nội vụ sẽ không tổng hợp danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện dự thi nâng ngạch; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị.

Trên đây là ý kiến của Sở Nội vụ, gửi các cơ quan, đơn vị để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.CCVC, G.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lâm Hùng Tấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI GIAN BIỂU NHẬN HỒ SƠ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Công văn số 1270 /SNV-CCVC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Sở Nội vụ)

1. Ngày 25 tháng 5 năm 2020 (thứ Hai)

- Từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 30: Các quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, Bình Tân, Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức.

- Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00: Các quận 7, 8, 9, 10, 11, 12, các huyện Cần Giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn.

2. Ngày 26 tháng 5 năm 2019 (thứ Ba)

- Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30: Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân.

- Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Xây dựng; Sở Y tế.

3. Ngày 27 tháng 5 năm 2020 (thứ Tư)

- Từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 30: Ban Quản lý An toàn thực phẩm; Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp; Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc; Ban Quản lý Dự án các công trình dân dụng và công nghiệp; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Ban quản lý Khu đô thị Thủ Thiêm; Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao; Ban Quản lý Khu đô thị mới Nam Thành phố; Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao.

- Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00: Ban An toàn giao thông; Thanh tra Thành phố, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài; Ban Quản lý Đường sắt đô thị; Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc; Viện Nghiên cứu phát triển; Lực lượng Thanh niên xung phong; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư; Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; các hội có tính chất đặc thù.

SỞ NỘI VỤ



**HƯỚNG DẪN CÁC TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO
NGẠCH CÔNG CHỨC/CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC,
NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC**

(Kèm theo Công văn số 1730 /SNV-CCVC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Sở Nội vụ)

**I. TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGẠCH CÔNG
CHỨC/CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC**

- Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký dự thi vào ngạch công chức/CDNN nào thì phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước/chuyên ngành tương ứng với ngạch/CDNN đó.

- Áp dụng chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức cho viên chức giữ CDNN hạng tương đương làm việc ở bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, kế hoạch, tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập¹.

Ví dụ: Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký thi nâng ngạch/thăng hạng lên chuyên viên chính (Mã số: 01.002) thì phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính. Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng II².

* **Lưu ý:** Các trường hợp được miễn chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch hành chính³, bao gồm:

- Người có 01 trong các bằng cấp sau đây thì không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch *chuyên viên*: bằng tốt nghiệp *tiến sĩ hành chính công; thạc sĩ hành chính công; cử nhân hành chính/cử nhân quản lý nhà nước.*

- Người có 01 trong các bằng cấp sau đây thì không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch *chuyên viên chính*: bằng tốt nghiệp *Cao cấp lý luận chính trị - hành chính; tiến sĩ hành chính công; thạc sĩ hành chính công.*

(Lưu ý: Nếu chỉ là bằng tốt nghiệp Cao cấp lý luận chính trị thì không thay thế được cho các chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước nêu trên).

II. TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ

¹ Khoản 1, Điều 18 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

² Điểm d, Khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên trung học phổ thông công lập

³ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ về quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức

OK

a) Cán bộ, công chức, viên chức phải có bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ bắt buộc theo yêu cầu của tiêu chuẩn ngạch công chức/CDNN viên chức đăng ký dự thi.

b) Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và các văn bản có liên quan⁴, việc quy đổi các bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ được thực hiện như sau:

- Đối với tiếng Anh:

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương									
	Chứng chỉ theo QĐ 177 ⁵	Chứng chỉ theo QĐ 66 ⁶	IELTS	TOEFL			TOEIC	Chứng chỉ khác		
				PBT	CBT	iBT		GE	BEC	BULAS
Bậc 1	Trình độ A	A1	2.0				120	Preliminary KET		
Bậc 2	Trình độ B	A2	3.0			40	225	Preliminary PET		20
Bậc 3	Trình độ C	B1	4 - 4.5	450	133	45	450	FCE	Business Preliminary	40
Bậc 4		B2	5 - 6	500	173	61	600	CAE	Business Vantage	60
Bậc 5		C1	6.5 - 7.5			90	850	CPE	Business Higher	75
Bậc 6		C2	8 - 9							90

(Điểm số trên là điểm tối thiểu đạt được ở mỗi trình độ).

- Đối với ngoại ngữ khác (chỉ công nhận 04 ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Trung Quốc):

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương			
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung Quốc
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp độ 1
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp độ 2
Bậc 3	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3
Bậc 4	TRKI 2	DELTA B2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4
Bậc 5	TRKI 3	DALF C1		HSK cấp độ 5
Bậc 6	TRKI 4	DALF C2		HSK cấp độ 6

⁴ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2426/GDDT-TC ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

⁵ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C.

⁶ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

*** Lưu ý:**

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp **sau ngày 15 tháng 5 năm 2019** phải theo danh mục các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C*) phải được cấp trước ngày 15 tháng 01 năm 2020⁷.

III. TIÊU CHUẨN VỀ TIN HỌC

- Cán bộ, công chức, viên chức phải nộp *chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản* theo quy định⁸.

- Nếu cán bộ, công chức, viên chức đang có *chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp trước ngày 10 tháng 8 năm 2016* thì được công nhận tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản⁹.

SỞ NỘI VỤ

⁷ Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

⁸ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

⁹ Khoản 2, Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Biên số 1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG VÀ NHU CẦU DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC;
THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2020**
(*Kèm theo Công văn số 1730 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của SNTV*)

STT	Tên ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp viên chức	Mã số	Tổng số (theo VT/VL)	Số lượng công chức/viên chức hiện có			Nhu cầu dự thi nâng ngạch công chức/thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm	
				Tương đương chuyên viên chính	Tương đương chuyên viên	Tương đương cán sự, nhân viên	Tương đương chuyên viên chính	Tương đương chuyên viên
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Khối cơ quan hành chính								
1	Vị dụ: Chuyên viên	01.003
2	Kế toán viên	06.031
...	Cán sự	01.004
TỔNG CỘNG								
II Khối đơn vị sự nghiệp công lập								
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03
2	Lưu trữ viên trung cấp (hạng IV)	V.01.02.03
...								
TỔNG CỘNG								

Người lập biên
(*Ký tên, ghi rõ họ tên*)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(*Ký tên và đóng dấu*)

SĐT:...

Lưu ý: Như câu nâng ngạch/thăng hạng (Cột 10, 11) phải bằng tổng số đăng ký theo từng mã ngạch/CDNN của Biên 2 và 3.

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Biểu số 2

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020**
(Kèm Công văn số 1730 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của SNV)

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh			Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm được giữ ngạch (kê cả ngạch tương đương)			Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi			Kết quả đánh giá, phân loại năm 2019	Có Đẻ ăn, công trình	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú			
	Họ, chữ lót	Tên		Ngày	Tháng	Năm			Ngày	Tháng	Năm	Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN						Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
I	Từ ngạch nhân viên, cán sự lên ngạch chuyên viên và tương đương																							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
2																								
...																								
II	Từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và tương đương																							
1																								
2																								
...																								

Người lập biểu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SĐT:....

* Lưu ý:

- Cột số 4: Đánh dấu (X) nếu người dự thi là nữ;
- Cột số 5, 6, 10, 11: Ghi đủ 02 chữ số;
- Cột số 7, 12: Ghi đủ 04 chữ số;
- Cột số 15: Ghi rõ trình độ đào tạo và chuyên ngành. Ví dụ: Tiến sĩ Luật học, Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Cử nhân Quản trị kinh doanh,...;
- Cột số 19: Ghi rõ ngôn ngữ và hình thức của chứng chỉ. Ví dụ: Anh văn B1, Pháp văn (Đại học),...;
- Cột số 20: Đánh dấu (X) nếu có;
- Cột số 21: Đánh dấu (X) nếu được miễn thi.

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 3

DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2020

(Kèm Công văn số 1730 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của SML)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm được giữ CDNN (kể cả CDNN tương đương)			Mức lương hiện hưởng	Mã số CDNN hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi			Kết quả đánh giá, phân loại			Có âm, công trình	Miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú						
	Họ, chữ lót	Tên				Ngày	Tháng	Năm			Ngày	Tháng	Năm	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN					Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	2017	2018	2019	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
I	Từ hạng IV lên hạng III																									
1																										
2																										
...																										
IV	Từ hạng III lên hạng II																									
1																										
2																										
...																										
II	Thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên (cấp nhất)																									
1																										
2																										
...																										
III	Thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính																									
1																										
2																										
...																										

Người lập biểu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SĐT:...

* Lưu ý:

- Cột số 4: Đánh dấu (X) nếu người dự thi là nữ;
- Cột số 5, 6, 10, 11: Ghi đủ 02 chữ số;
- Cột số 7, 12: Ghi đủ 04 chữ số;
- Cột số 15: Ghi rõ trình độ đào tạo và chuyên ngành. Ví dụ: Tiến sĩ Luật học, Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Cử nhân Quản trị kinh doanh,...;
- Cột số 19: Ghi rõ ngôn ngữ và hình thức của chứng chỉ. Ví dụ: Anh văn B1, Pháp văn (Đại học),...;
- Cột số 23: Đánh dấu (X) nếu có;
- Cột số 24: Đánh dấu (X) nếu được miễn thi.

